| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ N**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 505/2024/HNGĐ-ST<br>Ngày: 25-12-2024<br>V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn T. | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Mai Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Quang Bảo

2. Bà Vương Thị Minh Tân

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thu Thủy – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa***: Ông Ngô Đức Sang– Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 429/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1975; CCCD: 036175021206; địa chỉ đăng ký thường trú: H8B, Bắc Ô 17, phường Q (phường H cũ), thành phố N, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: Số 15/130 đường T, phường Q (phường Thống Nhất cũ), thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn T, sinh năm 1970; CCCD: 036070006253; địa chỉ đăng ký thường trú: H8B, Bắc Ô 17, phường Q (phường H cũ), thành phố N, tỉnh Nam Định; địa chỉ cư trú: H8B, Bắc Ô 17, phường Q (phường H cũ), thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị N và anh T có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1. Tại đơn khởi kiện ngày 11-11-2024, bản tự khai ngày 15-11-2024, nguyên đơn là chị Phạm Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 08-01-2010 tại UBND phường Vị Hoàng (nay là phường Vị Xuyên), thành phố N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Tính cách anh T gia trưởng, không có sự chia sẻ và sự tôn trọng vợ. Bên cạnh đó, anh T cũng có những mối quan hệ bạn bè không rõ ràng khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện, tự hòa giải nhưng đều không thành. Tháng 4 năm 2024 vợ chồng cãi nhau, anh T đã chửi và đánh chị trước mặt con khiến tình cảm vợ chồng ảnh hưởng nghiêm trọng. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên tháng 5 năm 2024 chị đã đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay, chị xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 06-12-2015, giới tính: Nam. Hiện nay con chung đang ở với chị nên nguyện vọng của chị xin được nuôi dưỡng con chung; về cấp dưỡng nuôi con: chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Trước khi vợ chồng kết hôn vào năm 2010 thì anh T đã có nhà đất tại địa chỉ H8B, Bắc Ô 17, phường Q (phường H cũ), thành phố N, tỉnh Nam Định. Đến năm 2012 nhà đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị và anh T. Vào năm 2013 anh chị có xây thêm tầng 2, năm 2023 thì sửa lại tầng 1. Ngoài ra tài sản chung của vợ chồng còn có một số tài sản khác như sập gỗ, bàn ghế gỗ, xe máy SH. Tài sản chung của vợ chồng chị sẽ tự thỏa thuận với anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu vợ chồng không tự thỏa thuận được chị sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2. Tại bản tự khai ngày 22-12-2024 bị đơn là anh Nguyễn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian và nơi đăng ký kết hôn như chị Phạm Thị N trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng có hiểu lầm về cách ứng xử trong gia đình nên có xảy ra cãi nhau. Tháng 5-2024 chị N đưa

con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh không phản đối những lời trình bày của chị N nhưng anh không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ. Việc chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở là không đúng, trước khi nộp đơn ly hôn chị N không thông báo và hỏi ý kiến của anh.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 06-12-2015, giới tính: Nam. Nếu chị N giữ quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn thì anh không đồng ý cho chị N nuôi con mà anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; về cấp dưỡng nuôi con: anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Còn nếu Tòa án giao con chung cho chị N nuôi dưỡng thì anh sẽ không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh xác định nhà đất tại địa chỉ H8B, Bắc Ô 17, phường Q (phường H cũ), thành phố N, tỉnh Nam Định là tài sản của anh và vợ cũ. Đến năm 2012 nhà đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh và chị N. Năm 2013, vợ chồng có xây dựng thêm 01 phòng thờ có diện tích khoảng 15m$^2$; năm 2023 vợ chồng có sửa chữa tầng 1. Ngoài ra anh chị có mua một số tài sản như sập gỗ, bộ bàn ghế, xe máy SH nhưng là tiền của anh, chị N không có đóng góp gì. Anh cũng nhất trí với quan điểm của chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tai sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng.

*3.* Tại biên bản lấy lời khai ngày 04-12-2024 cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 06-12-2015 trình bày quan điểm muốn được ở với cả bố và mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Tại đơn trình bày của cháu Nguyễn Hải Đ do chị Phạm Thị N giao nộp ngày 13-12-2024 cháu Đăng trình bày quan điểm muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn vì cháu đang sống cùng với mẹ ở nhà bà ngoại.

*4. Kết quả thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương ngày 12-12-2024 xác định*: Anh Nguyễn T và chị Phạm Thị N có đăng ký thường trú tại địa chỉ H8B, Bắc Ô 17, phường Q (phường H cũ), thành phố N, tỉnh Nam Định. Anh chị có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND phường Vị Hoàng và có 01 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 06-12-2015. Quá trình chung sống giữa anh T và chị N có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Khoảng tháng 6-2024 chị N có thông báo với tổ dân phố về việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị N đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Tại địa chỉ H8B Bắc Ô 17, phường Q, thành phố N chỉ còn một mình anh T sống. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của địa phương đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

*5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm

phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn T. Về con chung: giao con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 06-12-2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: buộc anh T cấp dưỡng nuôi con từ 2.000.000đ/tháng đến 2.500.000đ/tháng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 08-01-2010 tại UBND phường Vị Hoàng (nay là phường Vị Xuyên), thành phố N, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không có sự thông cảm và chia sẻ trong cuộc sống nên xảy ra cãi nhau. Anh Nguyễn T cũng xác nhận vợ chồng có sự hiểu lầm trong cách ứng xử dẫn đến mâu thuẫn, cãi nhau. Ngoài những nguyên nhân trên chị N xác định vợ chồng còn mâu thuẫn do tính cách anh T gia trưởng, có những mối quan hệ không rõ ràng, vợ chồng đã nói chuyện, hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 5-2024 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi. Trong quá trình giải quyết anh T không có ý kiến trình bày phản đối với lời trình bày của chị N. Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N vẫn giữ quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn mặc dù anh T không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa: Chị N vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T vì anh T là người rất gia trưởng, không quan tâm tới vợ con, có những mối quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác, khi xảy ra mâu thuẫn anh đã đánh chị trước mặt con. Anh T xác định việc chị N trình bày anh có mối quan hệ không rõ ràng với phụ nữ là không có chứng

cứ, việc anh giao lưu tiếp xúc với những người phụ nữ chỉ là mối quan hệ làm ăn vì anh là thầy bói, anh có giải thích với chị N nhưng chị N không chấp nhận. Anh có đánh chị N nhưng sự việc chỉ diễn ra từ khi vợ chồng đi đám cưới của cháu về từ tháng 4-2024. Anh không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ. Mặt khác, anh kết hôn với chị N là lần thứ hai nên anh không muốn ly hôn. Trong thời gian vợ chồng ly thân anh không có biện pháp gì hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn T.

[2] Về con chung:

Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn T có 01 con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 06-12-2015, giới tính: Nam. Chị N và anh T đều có quan điểm xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cả vợ và chồng; nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị N và anh T đều là chính đáng. Tuy nhiên từ khi vợ chồng ly thân từ tháng 5-2024 cho đến nay con chung sống với chị N, do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định và quyền lợi mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Hải Đ cho chị Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị N và anh T không thỏa thuận được về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Xét thấy, mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị N là 2.000.000 đồng/tháng là tự nguyện, anh T là thầy bói và sửa chữa xe máy có thu nhập, cháu Nguyễn Hải Đ đang học lớp 4 nên để đảm bảo cuộc sống ổn định và quyền lợi về mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử buộc anh T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12-2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 107, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án, nguyên đơn là chị Phạm Thị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn T phải nộp toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 7, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn T.

2. Về con chung: Giao chị Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 06-12-2015, giới tính: Nam. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng kể từ tháng 12-2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn T vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Phạm Thị N đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002435 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Anh Nguyễn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường Vị Xuyên;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Thu Hiền**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Thu Hiền**